

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỀN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày 04-5-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Bình;

Ông Phạm Văn Tiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 120/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Thuỳ N, sinh năm 1989, nơi ĐKKHKT: Khu 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Thôn Đ, thị trấn B, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn N₁, sinh năm 1984, nơi cư trú: Khu 5, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thuỳ N trình bày: Chị và anh Bùi Văn N₁ tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 18/02/2011. Trong thời gian chung sống, vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và sống ly thân từ tháng 4 năm 2022 đến nay, không quan tâm nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh N₁. Anh chị có 02 con chung là Bùi Nguyễn Bảo N₂, sinh ngày 27/01/2012 và Bùi Bảo L, sinh ngày 12/7/2018. Từ tháng 3/2023 anh N₁ đưa các con về sống tại xã T, huyện T, vợ chồng sống ly thân nhưng chị N vẫn thường xuyên về thăm con và chu cấp cho con. Khi ly hôn, chị N nhận nuôi cả hai con; trường hợp không được nuôi cả hai con, chị N nhận nuôi con L, để anh N₁ nuôi con N₂; không yêu cầu Tòa án giải

quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Chị N hiện làm công nhân, thu nhập ổn định, trung bình khoảng 10 triệu đồng một tháng.

Tại Văn bản trình bày quan điểm, anh N₁ xác nhận những thông tin về thời gian kết hôn, con chung giữa anh và chị N như chị N trình bày. Anh N₁ cho rằng trong thời gian chung sống, anh và chị N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn; anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N không đồng ý nên anh tôn trọng ý kiến của chị N, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trong thời gian vợ chồng ly thân, các con Bùi Nguyễn Bảo N₂ và Bùi Bảo L đều sống cùng anh N₁, được anh nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Từ tháng 01/2023 chị N đón con về tỉnh Bắc Giang chơi, sau đó giữ con lại, không cho anh N₁ đón con về. Anh N₁ cho rằng công việc của chị N không đảm bảo về thời gian chăm sóc, nuôi dưỡng con, mà phụ thuộc chủ yếu vào mẹ đẻ chị N; trong khi đó anh làm lao động tự do, thu nhập ổn định từ 10 đến 15 triệu đồng một tháng, có điều kiện về thời gian và kinh tế để nuôi dưỡng con. Vì vậy khi ly hôn, anh N₁ nhận nuôi cả hai con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh N₁ và chị N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011. Trong thời gian chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do làm ăn thua lỗ, vợ chồng bất đồng quan điểm và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ khoảng đầu năm 2023 đến nay. Anh chị có 02 con chung là Bùi Nguyễn Bảo N₂, sinh năm 2012 và Bùi Bảo L, sinh năm 2018. Khoảng đầu năm 2023 anh N₁ đưa cả hai con về sống tại xã T, huyện T cùng với bố mẹ đẻ anh N₁ và gia đình em trai anh N₁ nhưng từ cuối năm 2023 đến nay, chị đã đón con L về sống cùng chị N tại tỉnh Bắc Giang. Cả gia đình anh N₁ và gia đình chị N đều cam kết đảm bảo về chỗ ở và hỗ trợ anh N₁, chị N chăm sóc, trông nom các con khi anh chị đi làm. Con Bùi Nguyễn Bảo N₂ có đơn trình bày nguyện vọng muốn được sống cùng anh N₁.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện cơ bản quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị N và anh N₁ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị được ly hôn anh N₁; giao con chung Bùi Nguyễn Bảo N₂, sinh ngày 27/01/2012 cho anh N₁ trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bùi Bảo L, sinh ngày 12/7/2018 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài

sản chung do đương sự không yêu cầu. Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị N, anh N₁ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Nguyễn Thị Thuý N khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Bùi Văn N₁, cư trú tại Khu 5, xã T, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt nhưng có đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh N₁.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh N₁ kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ngày 18/02/2011 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời khai của chị và anh N₁ phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Chị N và anh N₁ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2023 đến nay, vợ chồng không quan tâm nhau. Mặc dù anh N₁ mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp giải quyết mâu thuẫn, chấp nhận theo yêu cầu của chị N. Do đó, có đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị N và anh N₁ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị N được ly hôn anh N₁.

[4] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Bùi Nguyễn Bảo N₂, sinh ngày 27/01/2012 và Bùi Bảo L, sinh ngày 12/7/2018. Xét thấy, cả anh N₁ và chị N đều có công việc, thu nhập ổn định, bảo đảm về chỗ ở và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Từ cuối năm 2023 đến nay, con N₂ sống cùng anh N₁, con L sống cùng chị N; con N₂ có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh N₁. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, cần căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình giao con Bùi Nguyễn Bảo N₂ cho anh N₁ trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Bùi Bảo L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị N và anh N₁ không yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh N₁ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[97] Về quyền kháng cáo: Chị N và anh N₁ có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị Thuý N):

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thuý N được ly hôn anh Bùi Văn N₁.

2. Về con chung: Giao con Bùi Nguyễn Bảo N₂, sinh ngày 27/01/2012 cho anh Bùi Văn N₁ trực tiếp nuôi; giao con Bùi Bảo L, sinh ngày 12/7/2018 cho chị Nguyễn Thị Thuý N trực tiếp nuôi. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con do chị N và anh N₁ không yêu cầu. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 04/5/2024 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị N đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006387 ngày 04/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị N và anh N₁ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã T, huyện T (ĐKKH năm 2011);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Xuyên

